TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Bản án số: 100/2020/HNGĐ-PT
Ngày : 29/6/2020
V/v: Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Kiều T.***
Các Thẩm phán: ***Bà Tôn Thị Xuân T***
Bà Trần Thị Thanh T
Thư ký phiên toà: ***Bà Chử Thị Bích L –*** Thẩm tra viên.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP H ***: Bà Trịnh Thu T -*** KSV

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H , xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 100/2020/TLPT - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: Chia tài sản chung sau ly hôn .

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2020/ HNGĐ - ST, ngày 18 tháng 2 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2020/QĐPT - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Chị Đỗ Thị Thu H*** . Sinh năm 1979; Nơi ở hiện tại: Ngõ 87 phố Nguyễn Văn C, phường N, quận H , thành phố H . (có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Khánh T, văn phòng LS Nguyễn Khánh Tn và Cộng sự, đoàn LS thành phố H

Bị đơn: ***Anh Vương Toàn D*** . Sinh năm 1969. Nơi cư trú: số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H .

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trịnh Anh D, sinh năm 1971; Hộ khẩu thường trú: Số 37 A Hai Bà T, phường T, Hoàn Kiếm, H . Theo Giấy ủy quyền ngày 22/7/2019 tại Văn Phòng Công chứng Vượng Phát Thành phố H (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - chị Đỗ Thị Thu H trình bày như sau: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Vương Toàn D kết hôn năm 1998. Bố mẹ chồng chị tức bố mẹ đẻ anh D là ông Vương Toàn Phẩm và bà Nguyễn Thị Tý có mảnh đất khoảng 150m2 đã chia cho 04 người con, trong đó có anh Vương Toàn D .

Năm 1998, ông Vương Toàn P mất, đến năm 2001 bà Nguyễn Thị T mất. Ông Phẩm bà T đã chia cho vợ chồng chị thửa đất trên diện tích thửa đất có ngôi nhà cấp 4, diện tích sử dụng 23m2 tại địa chỉ số 8, ngõ 983 đường H, phường C, quận H , H . Ủy ban nhân dân quận H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho vợ chồng là: Đỗ Thị Thu H và Vương Toàn D vào ngày 26/10/2004. Đến năm 2009, chị H anh D đã phá hết toàn bộ ngôi nhà cấp 4 cũ để xây dựng lại ngôi nhà mới thành ngôi nhà 04 tầng, 01 tum như hiện nay.

Trong thời gian xây nhà do vợ chồng không xin cấp phép xây dựng nên đã bị Thanh Tra Xây dựng của phường C phạt hành chính. Quá trình xây ngôi nhà trên, chị H là người đích thân thuê thiết kế và thuê người xây dựng. Toàn bộ chi phí thiết kế xây dựng, nội thất là do tiền thu nhập của cá nhân chị H , anh D không đóng góp. Do thời gian xây dựng từ 2009 đến nay cũng đã lâu nên chị không còn giữ hóa đơn chứng từ của việc xây dựng. Tổng tiền xây dựng và nội thất ngôi nhà chị đã chi khoảng 2,2 tỷ đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng). Khi xây nhà con chung của anh chị là cháu Vương Hà A mới 08 tuổi nên cháu không đóng góp gì. Vợ chồng chị kết hôn được 16 năm thì khoảng từ năm 2003 đến năm 2014 anh D không đi làm gì, toàn bộ chi phí, sinh hoạt gia đình, chi phí học hành của con đều do chị đảm trách. Năm 2014, anh D có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị làm đơn xin ly hôn anh D .

Ngày 27/4/2015, Tòa án nhân dân quận H đã xét xử, ban hành bản án số 15/2015/LH-ST, theo nội dung bản án đã tuyên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị đối với anh Vương Toàn D . Về việc nuôi con chung, anh chị có 01 con chung là Vương Hà A, sinh ngày 02/5/2002. Ly hôn, chị H trực tiếp nuôi cháu Hà A đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Việc đóng góp tiền nuôi cháu Hà A, anh chị có quan điểm tự thỏa thuận nên không xét. Về tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Mẹ con chị ra khỏi nhà từ năm 2014 đến nay. Khi chị và con gái ra khỏi nhà không mang theo bất cứ tài sản gì. Toàn bộ ngôi nhà và đồ đạc anh D toàn quyền sử dụng từ đó cho đến nay. Chị và con gái sống cuộc sống nay đây mai đó, lúc thì thuê nhà, lúc thì ở nhờ nhà anh trai chị. Cháu Hà A không có chỗ ăn ở ổn định để học tập tốt. Hiện tại điều kiện tài chính không có nên chị phải thuê phòng trọ nhỏ để ở tạm. Cháu Hà A đã lớn cần có điều kiện học tập và sinh hoạt tốt hơn.

Các buổi làm việc tiếp theo, chị H thay đổi ý kiến về giá trị xây dựng căn nhà chị đã bỏ tiền riêng ra khoảng từ 2,4 tỷ đồng đến 2,9 tỷ đồng. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn là nhà đất số 8, ngõ 983 đường H(số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H , nguyện vọng chị xin được nhận bằng hiện vật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn- anh Vương Toàn D có ý kiến tại buổi làm việc của Hội đồng định giá tài sản ngày 22 tháng 03 năm 2019, văn bản ý kiến ngày 15/7/2019, người đại diện theo ủy quyền là anh Trịnh Anh D có ý kiến tại phiên hòa giải ngày 22/7/2019 và các ý kiến tiếp theo như sau: Anh D và chị Đỗ Thị Thu H kết hôn năm 1998 và ly hôn năm 2014, khi ly hôn không có yêu cầu về tài sản. Nay chị H khởi kiện vụ án chia tài sản chung sau ly hôn là nhà đất số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H . Về tài sản chị H yêu cầu khởi kiện có nguồn gốc nguyên chủ sở hữu nhà đất là của bố mẹ đẻ anh D là cụ Vương Toàn P (sinh năm 1937, mất năm 1998), cụ Nguyễn Thị T (sinh năm 1937, mất năm 2011) có tổng diện tích 130 m2 và tài sản gắn liền trên đất. Năm 1992, cụ P cụ T đã xây dựng 04 căn nhà một tầng trên mảnh đất trên, sau đó chia cho 04 người con trai, mỗi người một ngôi nhà gắn liền với đất, riêng anh D được hai cụ chia cho một ngôi nhà gắn liền với đất có diện tích 25 m2. Việc chia đất thể hiện tại Biên bàn họp gia đình phân chia đất và nhà ở ngày 12/10/1992 gửi Ủy ban nhân dân phường C, quận H , thành phố H . Ngày 26/10/2004, Ủy ban nhân dân quận H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105333001 đối với diện tích đất 23,6m2 và ngôi nhà 01 tầng có diện tích 23,6m2 cho anh Vương Toàn D và chị Đỗ Thị Thu H . Năm 2009, anh D đã phá ngôi nhà cũ một tầng và xây lại ngôi nhà 05 tầng trên đất như hiện nay, do thời gian đã quá lâu nên đã thất lạc các giấy tờ xây dựng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về quyền sử dụng đất do có nguồn gốc từ bố mẹ đẻ của anh D cho riêng anh D trước khi kết hôn với chị H nên đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng đất là tài sản riêng của anh Vương Toàn D . Anh D đồng ý công sức đóng góp cho chị H 20% giá trị quyền sử dụng đất theo định giá của Tòa án ngày 22/3/2019. Về nhà ở, do căn nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị H nên anh đề nghị Tòa án xác định anh và chị H mỗi người được sở hữu 50% giá trị căn nhà theo định giá của Tòa án ngày 22/3/2019. Anh D đề nghị được giao toàn bộ quyền sử dụng, sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H . Anh D có nghĩa vụ thanh toán cho chị H : 20% giá trị quyền sử dụng đất ở và 50% giá trị căn nhà theo định giá của Tòa án ngày 22/3/2019 đối với nhà đất số 8, ngõ 983 đường H(số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H .

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2020/ HNGĐ - ST, ngày 18 tháng 2 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận H đã căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 33, 34 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị Đỗ Thị Thu H đối với anh Vương Toàn D là nhà đất tại địa chỉ số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105333001 ngày 26/10/2004 cho ông Vương Toàn D và vợ Bà Đỗ Thị Thu H .

Giao cho anh Vương Toàn D được quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất tại địa chỉ số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105333001 ngày 26/10/2004 cho ông Vương Toàn D và vợ Bà Đỗ Thị Thu H . Trong trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có quyết định buộc tháo dỡ một phần xây dựng công trình đã vi phạm pháp luật về xây dựng (phần diện tích xây đua ra trên lối đi chung) thì anh D phải chấp hành theo quy định về pháp luật.

Buộc anh Vương Toàn D có nghĩa vụ thanh toán 1.113.557.280 (Một tỷ, một trăm mười ba triệu, năm trăm năm mươi bẩy nghìn, hai trăm tám mươi đồng) đồng giá trị tài sản chung cho chị Đỗ Thị Thu H .

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm chị Đỗ Thị Thu H và anh Vương Toàn D có đơn kháng cáo. Chị H kháng cáo cho rằng nguyên đơn chỉ được nhận 40% giá trị nhà đất, bị đơn được nhận 60% giá trị nhà đất là không công bằng. Anh D kháng cáo về cách chia và đề nghị cấp phúc thẩm cho anh thanh toán 20% giá trị đất và 50% giá trị xây dựng nhà cho chị H với số tiền 799.000.000đồng để anh được sở hữu nhà đất tại địa chỉ số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H

Tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và đại diện bị đơn đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H sau khi phát biểu bài bảo vệ đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của chị Đỗ Thị Thu H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của chị H và anh D trong thời hạn Luật định, nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật được coi là hợp lệ. Tại phiên tòa chị H và đại diện của anh D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sau sau ly hôn của chị H là có cơ sở, đúng pháp luật. Tuy nhiên, về giá trị xây dựng nhà cần xem xét công sức đóng góp của cả hai đều bằng nhau nên phải được chia như nhau. Còn giá trị đất giữ nguyên như án sơ thẩm đã tuyên

Sau khi phát biểu, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm: Chị H được chia tài sản có giá trị 50% giá trị xây dựng và 40% giá trị quyền sử dụng đất. Anh D được chia tài sản có giá trị 50% giá trị xây dựng và 60% giá trị quyền sử dụng đất. Anh D có trách nhiệm thanh toán cho chị H số tiền tương ứng với tài sản chị H được chia và được sở hữu nhà đất tại số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H .

Chị H , anh D phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm chia tài sản theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của chị Đỗ Thị Thu H và anh Vương Toàn D trong thời hạn Luật định nên được coi là hợp lệ.

***Về tài sản chung**:* Quá trình giải quyết vụ án ly hôn trước đây cũng như khi Tòa án thụ lý chia tài sản vợ chồng sau ly hôn, nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung là động sản. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giao nộp tài liệu chứng minh về nơi ăn ở hiện nay là bản hợp đồng thuê nhà của nguyên đơn năm 2016.

Về yêu cầu kháng cáo của đương sự thấy rằng: Nguồn gốc nhà đất của ông Vương Toàn P (sinh năm 1937, mất năm 1998), bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1937, mất năm 2011) phù hợp với tài liệu do Ủy ban nhân dân quận H cung cấp cho Tòa án. Theo đó ông P, bà T đã tự san đất làm nhà ở trên bãi sông Hồng từ những năm 1970. Năm 1994 Gia đình đã họp phân chia đất và nhà ở cho các con, anh Vương Toàn D được sở hữu và sử dụng một ngôi nhà diện tích 25m2, nay là số 8 ngõ 983

đường H (có biên bản họp gia đình kèm theo). Tuy biên bản họp gia đình không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nhưng thể hiện ý chí của các thành viên trong gia đình và làm căn cứ để Hội đồng phân loại hồ sơ đăng ký QSH nhà ở và QSD đất ở phường C xét duyệt ngày 28/5/2004. Do vậy, ngày 26/10/2004, Ủy ban nhân dân quận H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105333001 đối với diện tích đất 23,6m2 và ngôi nhà 01 tầng có diện tích 23,6m2 cho anh Vương Toàn D và chị Đỗ Thị Thu H . Nên khẳng định rằng nhà đất tại số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H là tài sản chung vợ chồng, bởi lẽ: Anh Vương Toàn D và chị Đỗ Thị Thu H kết hôn năm 1998, ly hôn năm 2015 theo bản án đã có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình hôn nhân còn tồn tại, năm 2009 sự việc phá căn nhà cũ 01 tầng và xây lại ngôi nhà 05 tầng trên đất như hiện nay đã được các đương sự cùng xác nhận. Căn cứ Điều 27, 32 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 33, 34, 43, 46 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tài sản là quyền sử dụng đất ở tại số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H vốn là tài sản được cho riêng anh Vương Toàn D nhưng sau khi được cho riêng anh D đã tự nguyện nhập tài sản riêng của anh vào tài sản chung của vợ chồng, anh D chị H đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc làm thủ tục Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vào năm 2004, trên nội dung Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thể hiện diện tích đất là 23,6m2. Về căn nhà 05 tầng hiện được xây dựng trên toàn bộ diện tích 23,6 m2 và diện tích xây đua ra trên ngõ đi chung số 983 đường Hồng Hà các đương sự đều công nhận đây là tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại.

Phần diện tích xây dựng đã đua ra trên ngõ đi chung số 983 đường Hồng, quá trình xây dựng các đương sự đã bị xử phạt hành chính, không có tài liệu nào của Cơ quan Nhà nước cho phép tồn tại phần diện tích xây đua ra. Do vậy, việc cho tiếp tục tồn tại hay không là do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định nếu đương sự nào được nhận hiện vật là ngôi nhà thì phải chấp hành quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi có quyết định buộc tháo dỡ phần xây dựng của công trình đã vi phạm pháp luật về xây dựng.

Như vậy, tài sản nhà đất tại số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H gồm quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở là tài sản chung của chị Đỗ Thị Thu H và anh Vương Toàn D được hình thành trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại. Nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Yêu cầu kháng cáo của chị H thấy rằng: Chị H đã không còn ở tại số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H từ năm 2014 (trước khi ly hôn anh D) mà ở tại địa chỉ trong Hợp đồng thuê nhà do chị H xuất trình tại phiên tòa sơ thẩm trong khi anh D vẫn ở tại nhà từ đó đến nay. Như vậy chị H yêu cầu nhận bằng hiện vật và thanh toán tiền cho anh D là không có cơ sở chấp nhận

Xem xét các yếu tố khi chia tài sản chung, thấy rằng không có tài liệu nào thể hiện chị H hay anh D có một tài sản nhà đất khác để ở. Cũng không có tài liệu nào chứng minh việc xây dựng toàn bộ căn nhà là tiền riêng của chị H . Hội đồng định giá do Tòa án thành lập, ngày 22/3/2019 đã định giá với tổng giá trị nhà đất là 2.783.893.200 đồng. Các đương sự đồng ý không có ý kiến gì nên kết quả định giá được chấp nhận.

Vì các lẽ trên, HĐXX nhận thấy cần tiếp tục để anh D được ổn định về nơi cư trú, anh D đã tự nguyện nhập tài sản riêng vào tài sản chung khi hôn nhân còn tồn tại, vợ chồng đã cùng phá căn nhà cũ và xây dựng nên căn nhà như hiện nay, không chấp nhận nguyện vọng của chị H về việc được nhận phần tài sản được phân chia là hiện vật. Nên chấp nhận chia tài sản chung có xem xét đến nguồn gốc hình thành từ tài sản riêng của anh D . Anh D được phân chia hơn chị H về giá trị nhà đất như HĐXX sơ thẩm đã phân chia là có căn cứ và công bằng nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của anh D cũng không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Chị H , anh D phải chịu án phí sơ thẩm về việc chia tài sản sau ly hôn. Chị H và anh D đều phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 33, 34, 43, 46 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147, 148, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đỗ Thị Thu H và anh Vương Toàn D .

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2020/ HNGĐ – ST, ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận H đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị Đỗ Thị Thu H đối với anh Vương Toàn D là nhà đất tại địa chỉ số 8, ngõ 983 đường H

(số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105333001 ngày 26/10/2004 cho ông Vương Toàn D và vợ Bà Đỗ Thị Thu H .

Giao cho anh Vương Toàn D được quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất tại địa chỉ số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10105333001 ngày 26/10/2004 cho ông Vương Toàn D và vợ Bà Đỗ Thị Thu H . Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có quyết định buộc tháo dỡ một phần xây dựng công trình đã vi phạm pháp luật về xây dựng (phần diện tích xây đua ra trên lối đi chung) thì anh D phải chấp hành theo quy định về pháp luật.

Anh Vương Toàn D có nghĩa vụ thanh toán 1.113.557.280 (Một tỷ, một trăm mười ba triệu, năm trăm năm mươi bẩy nghìn, hai trăm tám mươi đồng) đồng giá trị tài sản chung cho chị Đỗ Thị Thu H . Sau khi chị H nhận đủ số tiền anh D thanh toán, anh D và chị H phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 8, ngõ 983 đường H (số cũ 131 phố B), phường C, quận H , H theo quy định của pháp luật.

2. Án phí: Chị H phải chịu 45.406.718 (Bốn mươi năm triệu, bốn trăm linh sáu nghìn, bẩy trăm mười tám đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 56.000.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự quận H theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002435 ngày 06/7/2018. Chị H được nhận lại 10.593.282 (Mười triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Vương Toàn D phải chịu 62.110.000 (Sáu mươi hai triệu, một trăm mười nghìn đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND quận H
- VKSND TP H .
- Đương sự.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Lưu.

Nguyễn Thị Kiều T

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

Số: 318/2018/QĐXXPT-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

H , ngày 11 *tháng* 12 *năm* 2018

QUYẾT ĐỊNH

ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ

Căn cứ vào các điều 48, 203 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 189/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

I. Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình về: Ly hôn giữa:

Nguyên đơn: ***Chị Đặng Thị Việt Ánh*** – sinh năm 1980

Trú tại: Số 444 đường Xuân Đỉnh, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, HN

Bị đơn: ***Anh Đỗ Như Anh*** – sinh năm 1978

Trú tại: Số 444 đường Xuân Đỉnh, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, HN

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. ***Ngân hàng TMCP Á Châu***

Địa chỉ: Số 32 Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu quận Cầu Giấy, H . Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Huy Vận – giám đốc

2. ***Ủy ban nhân dân phường Xuân Đỉnh***

Địa chỉ: Số 418 đường Xuân Đỉnh, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, H . Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung Tuyển – Chủ tịch

II. Thời gian mở phiên tòa: 8 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 12 năm 2018

Địa điểm mở phiên tòa: Tại khu xét xử của Tòa án nhân dân thành phố H (Số 43 Hai Bà Trưng, quận H , thành phố H).

Vụ án được xét xử công khai.

III. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Kiều Trang***

Các Thẩm phán: ***Bà Mai Vân Anh, bà Trần Thị Thanh Thảo***

Thẩm phán dự khuyết: ***Bà Lê Thúy Linh, bà Nguyễn Thị Thu Hằng, bà Phạm Thị Hoàng Phúc, ông Nguyễn Anh D , ông Nguyễn Hồng Lam***

Thư ký phiên tòa: ***Ông Nguyễn Văn Quyền*** - Cán bộ tòa án

Thư ký phiên tòa dự khuyết: ***Bà Chử Thị Bích Lệ, ông Nguyễn Văn Quyền, ông Trần Công Hách, bà Đặng Thị Minh Hiếu***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND thành phố H
- Lưu hồ sơ vụ án.

ThẨm phán

Nguyễn Thị Kiều Trang